

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NINH THUẬN

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ NĂM 2022 KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 31/7/2023
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2023	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
	TỔNG SỐ (A+B+C)	3.048.603	962.331	32%	92.982	52.711	57%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>271.665</i>	<i>124.462</i>	<i>46%</i>	<i>70.188</i>	<i>45.166</i>	<i>64%</i>
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	79.531	5.420	7%	8.039	1.259	16%
1	UBND huyện Bắc Ái	326		0%			
2	BQLDA ĐTXD thủy lợi 7				2.400		0%
3	Công an tỉnh				25		0%
4	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ	15.000	305	2%			
5	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	10.621	293	3%	5.614	1.259	22%
6	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42.500	2.211	5%			
7	UBND huyện Ninh Phước	6.186	713	12%			
8	UBND huyện Thuận Bắc	2.886	899	31%			
9	UBND huyện Ninh Sơn	2.000	987	49%			
10	UBND huyện Thuận Nam	12	12	100%			
B	NGÂN SÁCH TỈNH (B.1+B.2)	2.211.240	595.654	27%	25.774	3.127	12%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>58.981</i>	<i>36.892</i>	<i>63%</i>	<i>15.405</i>	<i>759</i>	<i>5%</i>

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2023	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
B.1	NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH	1.781.690	454.212	25%	5.548	-	0%
1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	623.449	144.084	23%			
2	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	440.425	101.758	23%	5.548	-	0%
3	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	566.681	155.469	27%			
4	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	151.135	52.901	35%			
B.2	NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH	429.550	141.442	33%	20.226	3.127	15%
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.000	-	0%	-	-	
2	Chi cục kiểm lâm	36		0%			
3	Chi cục Thủy sản	6.000		0%			
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.472		0%			
5	Vốn chưa phân bổ	76.763	-	0%			
6	Sở Thông tin và Truyền thông	25.300	570	2%			
7	Trường Cao đẳng Nghề	11.950	338	3%	14.810	164	1%
8	Văn phòng Tỉnh uỷ	21.000	1.241	6%			
9	BQLDA SACCR	41.000	3.360	8%			
10	Bệnh viện tỉnh	4.200	391	9%			
11	Chi cục thủy lợi	10.272	1.884	18%	1.663	143	
12	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	34.000	8.680	26%			
13	BCH Quân sự tỉnh	64.500	26.151	41%	611	-	0%
14	Ban Dân tộc	1.090	556	51%			

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2023	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
15	Sở Y tế	754	422	56%	1.882	1.882	100%
16	BCH Bộ đội Biên phòng	22.000	14.286	65%	322	-	0%
17	Công an tỉnh	13.386	8.735	65%			
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.241	7.477	67%			
19	Trường Trung cấp Y tế	11.580	10.482	91%	344	344	100%
20	Đài Phát thanh - Truyền hình	40.500	38.579	95%			
21	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	15.048	14.843	99%			
22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	230	228	99%			
23	Vườn quốc gia Núi Chúa	76	75	99%			
24	Vườn quốc gia Phước Bình	154	153	100%			
25	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.998	2.990	100%	595	595	100%
C	NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ, THÀNH PHỐ	757.832	361.257	48%	59.169	48.325	82%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>212.684</i>	<i>87.570</i>	<i>41%</i>	<i>54.783</i>	<i>44.407</i>	<i>81%</i>
C.1	THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM	175.919	119.295	68%	108	98	91%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>2.160</i>	<i>2.001</i>	<i>93%</i>	<i>98</i>	<i>98</i>	<i>100%</i>
C.2	NINH SƠN	95.107	34.039	36%	12.567	7.742	62%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>39.920</i>	<i>7.968</i>	<i>20%</i>	<i>11.391</i>	<i>6.630</i>	<i>58%</i>
C.3	NINH HẢI	123.473	32.857	27%	2.449	2.292	94%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>10.523</i>	<i>3.300</i>	<i>31%</i>	<i>1.361</i>	<i>1.343</i>	<i>99%</i>
C.4	NINH PHƯỚC	66.265	37.280	56%	423	254	60%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>9.111</i>	<i>8.772</i>	<i>96%</i>	<i>114</i>	<i>114</i>	<i>100%</i>
C.5	BÁC ÁI	108.933	61.563	57%	15.838	15.721	99%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>86.505</i>	<i>43.689</i>	<i>51%</i>	<i>15.810</i>	<i>15.693</i>	<i>99%</i>

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2023	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
C.6	THUẬN BẮC	105.249	34.258	33%	14.631	12.073	83%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	30.065	7.001	23%	13.514	11.043	82%
C.7	THUẬN NAM	82.886	41.964	51%	13.153	10.145	77%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	34.400	14.839	43%	12.494	9.486	76%

Ghi chú: Danh sách Chủ đầu tư được sắp xếp theo tỷ lệ giải ngân từ thấp đến cao

Kết quả giải ngân nguồn vốn Sở Tài chính thông báo cho dự án cấp tỉnh:

+ Xổ số kiến thiết: đã giải ngân 7,3 tỷ đồng, đạt 91,25% mức vốn được thông báo (8 tỷ), đạt 81,1% kế hoạch vốn được giao (9 tỷ đồng)

+ Nguồn thu sử dụng đất: đã giải ngân 9 tỷ đồng, đạt 100% mức vốn được thông báo (9 tỷ), đạt 6,8% kế hoạch vốn được giao (132 tỷ đồng).

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 8 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trung Nam